

**UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /SNN-QLXDCT

Bắc Giang, ngày tháng 8 năm 2022

V/v thông báo kết quả thẩm định Báo cáo
kinh tế-kỹ thuật đầu tư xây dựng
công trình: Xử lý khẩn cấp khắc phục tình
trạng sạt trượt kè Miếu Cụ đoạn K18+624 –
K19+104 đê tả Thương, huyện Yên Dũng.

Kính gửi: Chi cục Thủy lợi Bắc Giang.

Sở Nông nghiệp và PTNT nhận được Tờ trình số 39/TTr-CCTL ngày 26/7/2022 của Chi cục Thủy lợi Bắc Giang về việc thẩm định, phê duyệt Báo cáo Kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt trượt kè Miếu Cụ đoạn K18+624 – K19+104 đê tả Thương, huyện Yên Dũng (*Chi tiết có hồ sơ Báo cáo KTKT kèm theo*).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH 13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 Về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 Ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Bắc Giang: Quyết định số 267/2015/QĐ-UBND ngày 06/7/2015 Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang: Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 Hỗ trợ kinh phí từ Quỹ Phòng, chống thiên tai để tu sửa, xử lý khẩn cấp các công trình phòng, chống thiên tai; Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 Về việc công bố tình huống khẩn cấp sự cố sạt trượt chân, mái kè khu vực đê Mom (đoạn từ K14+550-K14+700) đê hữu Thương, huyện Tân Yên và sạt trượt kè Miếu Cụ đoạn K18+624-K19+104 đê tả Thương, huyện Yên Dũng;

Căn cứ hồ sơ Báo cáo kinh tế-kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt trượt kè Miếu Cụ đoạn K18+624-K19+104 đê tả Thương, huyện Yên Dũng do Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hà Bắc lập,

Sau khi xem xét, Sở Nông nghiệp và PTNT thông báo kết quả thẩm định Báo cáo

kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt trượt kè Miếu Cù đoạn K18+624 – K19+104 đê tả Thương, huyện Yên Dũng với các nội dung cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH.

1. Tên công trình: Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt trượt kè Miếu Cù đoạn K18+624 – K19+104 đê tả Thương, huyện Yên Dũng.
2. Loại, cấp công trình: Công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cấp IV.
3. Chủ đầu tư: Chi cục Thủy lợi tỉnh Bắc Giang.
4. Giá trị dự toán xây dựng công trình (theo Tờ trình số 39/TTr-CCTL): 3.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ đồng).
5. Nguồn vốn: Quỹ Phòng, chống thiên tai.
6. Địa điểm xây dựng: huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.
7. Nhà thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo KTKT: Công ty TNHH tư vấn xây dựng Hà Bắc.

II. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý

- Các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang: Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 về việc Hỗ trợ kinh phí từ Quỹ Phòng, chống thiên tai để tu sửa, xử lý khẩn cấp các công trình phòng, chống thiên tai; Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 Về việc công bố tình huống khẩn cấp sự cố sạt trượt chân, mái kè khu vực đê Mom (đoạn từ K14+550-K14+700) đê hữu Thương, huyện Tân Yên và sạt trượt kè Miếu Cù đoạn K18+624-K19+104 đê tả Thương, huyện Yên Dũng;

- Các Quyết định của Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Giang: Quyết định số 49/QĐ-CCTL ngày 11/5/2022 về việc phê duyệt Nhiệm vụ khảo sát – lập Báo cáo KT-KT; Quyết định số 50/QĐ-CCTL ngày 15/5/2022 về việc phê duyệt dự toán một số khoản mục chi phí ở giai đoạn chuẩn bị dự án công trình; Quyết định số 51/QĐ-CCTL ngày 15/5/2022 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn gói thầu: Khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật; Quyết định số 52/QĐ-CCTL ngày 15/5/2022 về việc chỉ định đơn vị thực hiện gói thầu tư vấn: Khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (bao gồm TM, TKBVTC, DT) công trình: Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt trượt kè Miếu Cù đoạn K18+624 – K19+104 đê tả Thương, huyện Yên Dũng;

- Tờ trình số 39/TTr-CCTL ngày 26/7/2022 của Chi cục Thủy lợi Bắc Giang về việc thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt trượt kè Miếu Cù đoạn K18+624 – K19+104 đê tả Thương, huyện Yên Dũng.

2. Hồ sơ trình thẩm định

2.1. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán

- Hồ sơ khảo sát xây dựng công trình;
- Hồ sơ Báo cáo kinh tế-kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình;
- Các tài liệu có liên quan.

2.2. Các nội dung chủ yếu.

2.2.1. Các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu được áp dụng:

- TCVN 12845:2020 Tiêu chuẩn quốc gia về Công trình thủy lợi - Thành phần nội dung lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo kinh tế - kỹ thuật;
- QCVN 04-05:2012/BNNPTNT Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế;
- TCVN 8478:2018 Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;
- TCVN 8481:2010 công trình đê điều - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình;
- TCVN 8419:2010 Công trình thủy lợi - Thiết kế công trình bảo vệ bờ sông chống lũ;
- TCVN 4447:2012: Công tác đất - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9902:2016: Công trình thủy lợi- Yêu cầu thiết kế đê sông;
- Các Tiêu chuẩn ngành và Quy phạm thiết kế công trình thủy lợi hiện hành khác...

2.2.2. Quy mô công trình, giải pháp thiết kế chủ yếu:

2.2.2.1. Quy mô xây dựng công trình và các thông số kỹ thuật chủ yếu:

Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt trượt kè Miếu Cự đoạn K18+624-K19+104 bằng giải pháp thả đá học hộ chân tổng chiều dài 166,5m (đoạn 1 từ K18+675 -:- K18+815 dài 140,0m; đoạn 2 từ K18+875,5 -:- K18+902 dài 26,5m) và kè lát mái bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn ngàm âm dương trong hệ khung dầm bê tông cốt thép dài 135,0m (đầu tư từ K18+680 -:- K18+815 do không đủ nguồn kinh phí). Thông số kỹ thuật chủ yếu như sau:

- Chân kè (khối phản áp): Cao trình đỉnh chân kè +1,15m; chiều rộng đỉnh cơ kè chi tiết từng mặt cắt theo bản vẽ thiết kế thi công; hệ số mái khối lăng thể phản áp $m=2,0$;

- Thân kè: Hệ số mái kè $m=2,0$;

- Đỉnh kè: Cao trình +8,3m.

2.2.2.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

- Đào bạt mái; đắp mái kè đạt độ chặt $K \geq 0,9$ (tận dụng đất cấp II bạt mái kè).

- Chân kè: Khối lăng thể phản áp bằng đá học thả rời đến cao trình +0,65m; trên đỉnh mặt cơ xếp lớp đá học dày 50cm chèn chặt đến cao trình +1,15m.

- Thân kè: Hệ thống dầm (dầm chân, dầm đỉnh, dầm giữa, dầm ngang) tạo khung chia ô mái kè BTCT M200#; trong khung chia ô lắp đặt tấm bê tông đúc sẵn M200# kích thước (40x40x14)cm có ngàm âm, dương, phía dưới lót đá dăm (1x2) cm dày 10cm và lớp vải địa kỹ thuật.

- Giải pháp thiết kế khác: Chi tiết theo bản vẽ thiết kế thi công.

2.2.3. Phương pháp lập dự toán được lựa chọn và các cơ sở để xác định các khoản mục chi phí trong dự toán xây dựng công trình thẩm định:

- Các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 Quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

- Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở;

- Các Thông tư của Bộ Xây dựng: Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021;

- Các Quyết định của Bộ Giao thông vận tải: Quyết định số 32/2005/QĐ-BGTVT ngày 17/6/2005 Ban hành quy định về xếp loại đường để xác định cước vận tải đường bộ; Quyết định số 640/QĐ-BGTVT ngày 04/4/2011 Về việc xếp loại đường để xác định cước vận tải đường bộ năm 2011;

- Văn bản số 4337/TCĐBVN-QLBTĐB ngày 18/8/2015 của Tổng cục đường bộ Việt Nam về việc rà soát, cập nhật và hiệu chỉnh phân loại quốc lộ tính giá cước vận tải năm 2015;

- Các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang: Quyết định số 722/QĐ-UBND ngày 20/5/2008 Về cước vận chuyển hàng hóa bằng phương tiện ô tô áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 675/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 về việc xếp loại đường để xác định cước vận tải đường bộ; Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 Về việc công bố các Bộ đơn giá xây dựng công trình tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 24/3/2022 về việc đặt số hiệu đường tỉnh Bắc Giang;

- Các Quyết định của Sở Xây dựng: Quyết định số 292/QĐ-SXD ngày 15/10/2021 Về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 306/QĐ-SXD ngày 29/10/2021 về việc công bố Bảng giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Biên bản xác định khối lượng tại hiện trường (số: 01/BB) ngày 30/6/2022 giữa Chủ đầu tư, tư vấn giám sát, đơn vị thi công, tư vấn thiết kế và Hạt Quản lý đê Yên Dũng;

- Công bố giá các loại vật liệu xây dựng chủ yếu trong lĩnh vực đầu tư xây dựng tại trung tâm các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang tại Văn bản số 05/CBGVLXD-LS ngày 01/6/2022 và Văn bản số 06/CBGVLXD-LS ngày 07/7/2022 của Liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Giang; giá xăng dầu theo Văn bản số 3309/BCT-TTTN ngày 13/6/2022 và Văn bản số 4202/BCT-TTTN ngày 21/7/2022 của Bộ Công thương V/v điều hành kinh doanh xăng dầu;

- Các chế độ chính sách XDCCB hiện hành.

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu

Nhà thầu tư vấn khảo sát, lập Báo cáo KTKT: Công ty TNHH tư vấn xây dựng Hà Bắc.

- Tên, chứng chỉ hành nghề: Có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400861173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp (*đăng ký lần đầu ngày 12/4/2019*); Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BAN-00027201 do Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang cấp ngày 12/7/2019 (*lĩnh vực hoạt động xây dựng: Khảo sát địa hình, địa chất công trình: Hạng III; Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình: Dân dụng, giao thông đường bộ, hạ tầng kỹ thuật, nông nghiệp và phát triển nông thôn: Hạng III*).

- Họ tên, chứng chỉ hành nghề của cá nhân chủ trì, thực hiện:

+ Chủ nhiệm dự án, chủ trì thiết kế, chủ trì lập dự toán: Ông Đặng Văn Xô có chứng chỉ hành nghề số BAG-00009865 do Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang cấp ngày 17/9/2018 (trong đó có lĩnh vực thiết kế công trình thủy lợi - Hạng II; định giá xây dựng – Hạng II).

+ Chủ nhiệm khảo sát: Ông Nguyễn Văn Thuận có Chứng chỉ hành nghề số HTV-00101258 do Hiệp hội tư vấn xây dựng Việt Nam cấp ngày 20/8/2020 (*trong đó có lĩnh vực hành nghề khảo sát địa hình - Hạng III*).

III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG.

1. Sự phù hợp về quy hoạch, mục tiêu, quy mô đầu tư và các yêu cầu khác được xác định trong quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng.

- Hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật được lập phù hợp với Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang Hỗ trợ kinh phí từ Quỹ Phòng, chống thiên tai để tu sửa, xử lý khẩn cấp các công trình phòng, chống thiên tai và Tờ trình số 02/TTr-BCH ngày 12/4/2022 của Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Bắc Giang Đề nghị hỗ trợ kinh phí Quỹ Phòng, chống thiên tai để tu sửa, xử lý khẩn cấp các công trình phòng, chống thiên tai, Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang Về việc công bố tình huống khẩn cấp sự cố sạt trượt chân, mái kè khu vực đê Mom (đoạn từ K14+550-K14+700) đê hữu Thương, huyện Tân Yên và sạt trượt kè Miếu Cụ đoạn K18+624-K19+104 đê tả Thương, huyện Yên Dũng.

- Về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng: Công ty TNHH tư vấn xây dựng Hà Bắc đáp ứng đầy đủ điều kiện hoạt động tư vấn có liên quan đến nội dung khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình. Các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm dự án, chủ trì thiết kế, chủ trì dự toán có chứng chỉ hành nghề phù hợp với nội dung công việc đảm nhiệm.

2. Sự đáp ứng yêu cầu của thiết kế bản vẽ thi công về bảo đảm an toàn công trình và biện pháp bảo đảm an toàn công trình lân cận:

Thiết kế bản vẽ thi công xây dựng công trình đáp ứng yêu cầu an toàn công trình và không gây ảnh hưởng đến an toàn công trình lân cận.

3. Việc lập tổng mức đầu tư, xác định giá trị tổng mức đầu tư xây dựng:

3.1. Sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định dự toán xây dựng công trình: Về hồ sơ trình thẩm định dự toán xây dựng công trình, danh mục hồ sơ trình thẩm định cơ bản đầy đủ, đáp ứng yêu cầu thẩm định.

3.2. Sự phù hợp của dự toán xây dựng công trình với tổng mức đầu tư xây dựng đã được phê duyệt; phương pháp xác định dự toán xây dựng công trình.

- Sự phù hợp của dự toán xây dựng công trình với tổng mức đầu tư xây dựng đã được phê duyệt: Phù hợp và không vượt quá dự kiến tổng mức đầu tư đã được phê duyệt tại Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang Hỗ trợ kinh phí từ Quỹ Phòng, chống thiên tai để tu sửa, xử lý khẩn cấp các công trình phòng, chống thiên tai và Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang Về việc công bố tình huống khẩn cấp sự cố sạt trượt chân, mái kè khu vực đò Mom (đoạn từ K14+550-K14+700) đê hữu Thương, huyện Tân Yên và sạt trượt kè Miếu Cù đoạn K18+624-K19+104 đê tả Thương, huyện Yên Dũng.

- Phương pháp xác định dự toán xây dựng công trình: Dự toán công trình lập cơ bản áp dụng, vận dụng đúng định mức, đơn giá, chế độ, chính sách và đầy đủ các khoản mục chi phí theo quy định của Nhà nước.

3.3. Sự phù hợp của nội dung dự toán xây dựng công trình theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ với các nội dung và yêu cầu của dự án: Cơ bản phù hợp.

3.4. Sự phù hợp, đầy đủ của việc xác định khối lượng công tác xây dựng, chủng loại và số lượng thiết bị tính toán trong dự toán xây dựng công trình so với thiết kế: Các khối lượng chủ yếu trong dự toán xây dựng công trình cơ bản phù hợp với khối lượng tính toán từ thiết kế bản vẽ thi công do đơn vị Tư vấn lập.

3.5. Xác định giá trị dự toán xây dựng công trình đảm bảo tính đúng, tính đủ theo quy định; phù hợp với giá trị tổng mức đầu tư xây dựng; phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công, biện pháp thi công xây dựng định hướng, tiến độ thi công công trình và mặt bằng giá thị trường: Cơ bản phù hợp.

3.6. Phân tích, đánh giá mức độ, nguyên nhân tăng, giảm của các khoản mục chi phí so với giá trị dự toán xây dựng công trình đề nghị thẩm định.

Dựa vào các căn cứ và nội dung nêu trên thì giá trị dự toán công trình sau thẩm định là: **3.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Ba tỷ đồng).

Các hạng mục chi phí	Giá trị Chủ đầu tư trình (đồng)	Giá trị sau thẩm định (đồng)	Chênh lệch (đồng)
- Chi phí xây dựng	2.647.508.000	2.647.508.000	0
- Chi phí quản lý dự án	63.991.000	63.991.000	0
- Chi phí tư vấn ĐTXD	257.121.000	257.121.000	0
- Chi phí khác	17.591.000	17.591.000	0
- Chi phí dự phòng	13.789.000	13.789.000	0
Tổng	3.000.000.000	3.000.000.000	0

(Chi tiết có phụ lục kèm theo và dự toán công trình sau thẩm định)

4. Giải pháp tổ chức thực hiện dự án, phương án giải phóng mặt bằng, hình thức thực hiện dự án:

- Công trình xây dựng trên các tuyến đê hiện trạng và hành lang bảo vệ đê nên không phải thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.

- Hình thức thực hiện dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Hồ sơ Báo cáo kinh tế-kỹ thuật đầu tư xây dựng đủ điều kiện để phê duyệt. Đề nghị chủ đầu tư phối hợp với tổ chức tư vấn thiết kế có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo kết quả thẩm định.

- Những vấn đề cần lưu ý: Chủ đầu tư phối hợp với tổ chức tư vấn thiết kế có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ thiết kế BVTC và dự toán công trình theo kết quả thẩm định; đồng thời, trong quá trình triển khai thi công kiểm soát chặt chẽ và chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc nghiệm thu khối lượng, xác định vị trí, cự ly mở vật liệu (*đá*) và cự ly vận chuyển đổ thải, tấm lát đúc sẵn để làm cơ sở nghiệm thu thanh toán.

Trên đây là thông báo của Sở Nông nghiệp và PTNT về kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế-kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt trượt kè Miếu Cụ đoạn K18+624-K19+104 đê tả Thương, huyện Yên Dũng. Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở;
- PGĐ Nguyễn Văn Dĩnh;
- Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Lưu: VT, QLXDCT_{Dung}.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Dĩnh

TỔNG HỢP DỰ TOÁN
CÔNG TRÌNH: XỬ LÝ KHẨN CẤP KHẮC PHỤC TÌNH TRẠNG SẠT TRƯỢT KÈ MIẾU CỤ
ĐOẠN K18+624 – K19+104 ĐỀ TÀI THƯỜNG, HUYỆN YÊN DŨNG

(Kèm theo Văn bản số: /SNN-QLXDCT ngày / /2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị tính : Đồng

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Định mức	Văn bản áp dụng	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế VAT (8%)	Chi phí sau thuế
I	Chi phí xây dựng	Gxd				2.451.396.197	196.111.696	2.647.508.000
1	Đá thả dãi chân kè			<i>Có dự toán chi tiết kèm theo</i>		498.822.065	39.905.765	538.728.000
2	Thân kè + đá xếp khang cơ chân kè			<i>Có dự toán chi tiết kèm theo</i>		1.952.574.132	156.205.931	2.108.780.000
II	Chi phí quản lý dự án	Gqlda	3,263 %	TT 12/2021/TT-BXD	$3,263\% * Gxdtt * 0,8$	63.991.246		63.991.000
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Gtv				238.256.000	18.864.000	257.121.000
1	Chi phí lập khảo sát, lập Báo cáo KT-KT			Quyết định số 52/QĐ-CCTL ngày 15/5/2022		166.807.407	13.344.593	180.152.000
2	Chi phí giám sát thi công xây dựng		2,598 %	TT 12/2021/TT-BXD	$2,598\% * Gxd$	63.687.273	5.094.982	68.782.000
3	Chi phí lập hồ sơ mời thầu và đánh giá HSDT		0,361 %	TT 12/2021/TT-BXD	$0,361\% * Gxd * 0,6$	5.309.724	424.778	5.735.000
4	Thẩm định HSMT, hồ sơ yêu cầu		0,05%	NĐ 63/2014/NĐ-CP	$0,05\% * Gxd$	1.225.698		1.226.000
5	Thẩm định Kết quả lựa chọn nhà thầu		0,05%	NĐ 63/2014/NĐ-CP	$0,05\% * Gxd$	1.225.698		1.226.000
IV	Chi phí khác	Gk				17.591.403	0	17.591.000
1	Chi phí thẩm định BC KTKT		0,019 %	TT 209/2016/TT-BTC	$0,019\% * TMĐT$	570.000		570.000

2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán		0,57 %	Nghị định 99/2021/NĐ-CP	0,57% x (TMĐT-Gdp)	17.021.403		17.021.000
V	Chi phí dự phòng	Gdp						13.789.000
	TỔNG CỘNG	TMĐT			(I:-V)			3.000.000.000

Bằng chữ: Ba tỷ đồng chẵn./.